

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Số: 92440 /CT-TTHT
V/v chính sách thuế đối với
dịch vụ sở hữu trí tuệ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ
Địa chỉ: Số 26 ngõ 41 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội;
MST: 0100508118

Trả lời công văn số 221019/CV/INCO ghi ngày 12/11/2019 của Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với dịch vụ sở hữu trí tuệ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng áp dụng như sau:

"Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

..."

+ Tại Khoản 3 Điều 2 quy định đối tượng không áp dụng:

"3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có thu nhập từ dịch vụ được cung cấp và tiêu dùng ngoài Việt Nam.

Ví dụ 4:

Công ty H của Hongkong cung cấp dịch vụ thu xếp hàng hóa tại cảng ở Hongkong cho đội tàu vận tải quốc tế của Công ty A ở Việt Nam. Công ty A phải trả cho Công ty H phí dịch vụ thu xếp hàng hóa tại cảng ở Hongkong.

Trong trường hợp này, dịch vụ thu xếp hàng hóa tại cảng Hongkong là dịch vụ được cung cấp và tiêu dùng tại Hongkong nên không thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam.

Ví dụ 5:

Tổ chức nước ngoài cung cấp các dịch vụ chuyên môn, quản lý và phát hành trái phiếu, tư vấn pháp lý, đại lý lưu ký, tổ chức roadshow (một hoạt động



thuộc mảng kích hoạt thương hiệu) cho Công ty A ở Việt Nam tại các nước mà Công ty A phát hành chứng chỉ GDR (Global Depositary Receipt - chứng chỉ lưu ký toàn cầu) và trái phiếu quốc tế thì các dịch vụ này do tổ chức nước ngoài thực hiện không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư."

+ Tại Khoản 2 Điều 4 quy định người nộp thuế như sau:

"2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hoá hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ; mua hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại cho hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); thực hiện phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) bao gồm:

...
Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài."

- Tại Khoản 3 Điều 7 hướng dẫn Thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

"3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...
Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm: chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp: chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm).

"Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm", "Quyền sở hữu công nghiệp", "Chuyển giao công nghệ" quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Tại Điều 12 quy định thuế GTGT như sau:

"Điều 12. Thuế giá trị gia tăng

Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

Số thuế GTGT phải nộp	=	Doanh thu tính thuế Giá trị gia tăng	\times	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu
-----------------------	---	---	----------	--

...

1. Doanh thu tính thuế GTGT

a) Doanh thu tính thuế GTGT:

Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5
2	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	3
3	Hoạt động kinh doanh khác	2

..."

+ Tại Điều 13 quy định thuế TNDN như sau:

"Điều 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế.

Số thuế TNDN phải nộp = Doanh thu tính thuế TNDN x

Tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế



1. Doanh thu tính thuế TNDN

a) Doanh thu tính thuế TNDN

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

	<i>Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan</i>	5
2	<i>Riêng:</i>	10
	<i>- Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;</i>	
	<i>- Dịch vụ tài chính phái sinh</i>	2
8	<i>Thu nhập bản quyền</i>	10

..."

Căn cứ quy định trên, theo nội dung tại văn bản hỏi của Công ty và hồ sơ tài liệu Công ty cung cấp, Cục thuế TP Hà Nội trả lời như sau:

- Trường hợp Công ty B tại nước ngoài phát sinh khoản thu nhập được trả cho dịch vụ tra cứu và đăng ký nhãn hiệu cho khách hàng của Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyên giao công nghệ, nếu dịch vụ tra cứu và đăng ký nhãn hiệu của công ty nước ngoài được cung cấp và tiêu dùng ngoài Việt Nam thì không thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam theo quy định tại Tạm Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

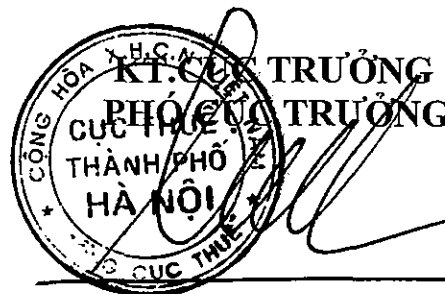
- Trường hợp Công ty B tại nước ngoài phát sinh khoản thu nhập được trả cho dịch vụ tra cứu và đăng ký nhãn hiệu cho khách hàng của Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyên giao công nghệ, nếu dịch vụ tra cứu và đăng ký nhãn hiệu của công ty nước ngoài được cung cấp và tiêu dùng ngoài Việt Nam thì Công ty B thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam, Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyên giao công nghệ căn cứ Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính nêu trên để xác định thuế GTGT nhà thầu, thuế TNDN nhà thầu phải nộp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với Cục Thuế TP Hà Nội (phòng Thanh tra - kiểm tra số 8) để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyên giao công nghệ biết và thực hiện. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT8; DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6,3)



Nguyễn Tiến Trường